**TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA**

KHOA HỌC CƠ BẢN

-------------------------o0o---------------------------



**BÀI TẬP TIỂU LUẬN**

**KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN**

**ĐỀ TÀI: Phân tích nội dung cơ bản của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Nêu ví dụ?**

**Họ và tên giảng viên: ThS. Đồng Thị Tuyền**

**Thành viên nhóm 10:**

1. Đỗ Thị Phương – Lớp: QTKD 3 – MSV: 20010306
2. Nguyễn Thu Phương – Lớp: Dược 1 – MSV: 20010483
3. Tạ Thị Phượng – Lớp: Kế toán – MSV: 20010387
4. Nguyễn Văn Quang – Lớp: CNTT 1 – MSV: 20010794
5. Hà Văn Quyết – Lớp: QTKD 3 – MSV: 20010307
6. Âu Thị Quý – Lớp: CNTT 1 – MSV: 20010795
7. Lã Diễm Quỳnh – Lớp: NGA 2 – MSV: 20010056
8. Nguyễn Đình Sang – Lớp: TDH1 – MSV: 20010682
9. Đoàn Văn Tâm – Lớp: CNTT 4 – MSV: 20010921

**Hà Nội, tháng 11 năm 2021**

**MỤC LỤC**

**A. LỜI MỞ ĐẦU 3**

**B. NỘI DUNG ĐỀ TÀI 4**

**CHƯƠNG I: Cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 4**

1. Nêu khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 4

2. Tóm tắt đặc trưng của các cuộc cách mạng công nghiệp. 4

3. Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển 5

**CHƯƠNG II: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 7**

I. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa. 7

II. Nêu tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 8

III. Nội dung cơ bản của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam và nêu ví dụ. 11

1. Tạo lập những điều kiện để thực hiện chuyển đổi, phát triển kinh tế. 11

2. Thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi, phát triển kinh tế. 14

IV. Kết quả thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa sau 35 năm đổi mới. 19

**C. KẾT LUẬN. 23**

**D. TÀI LIỆU THAM KHẢO 25**

**LỜI NÓI ĐẦU**

Hội nghị đại biểu toàn quốc ban chấp hành trung ương Đảng giữa nhiệm kỳ khoá VII (1-1990) đã nhận định rằng:  “Mặc dù còn nhiều yếu kém phải khắc phục những thành tựu quan trọng đã đạt được, đã và đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước sang một thời kỳ phát triển mới đẩy tới một bước công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước” Công nghiệp hoá, hiện đại hoá sẽ giúp chúng ta lực mới để tăng trưởng nhanh tốc độ phát triển, không những thế nhờ có hiện đại hoá chúng ta có điều kiện đi tắt, đón đầu đó là bài toán tổng hợp để giải bài toán phát triển đất nước. Nghiên cứu công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước trong nền kinh tế là một vấn đề bức xúc, nóng bỏng trong nhiều năn nay và được đông đảo các nhà nghiên cứu, trong đó có đội ngũ sinh viên quan tâm. Nghiên cứu nhằm nhận thức rõ từ đó đưa ra những giải pháp nhằm phát huy sử dụng tối đa mọi nguồn lực trong nước và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế phục vụ sự công nghiệp hoá -hiện đại hoá . Cùng với sự nỗ lực cố gắng chung của toàn Đảng, toàn dân trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế. Là một công dân tương lai của đất nước, em mong muốn được góp phần nhỏ bé của mình nghiên cứu các vấn đề cơ bản về công nghịêp hoá- hiện đại hoá ở Việt Nam.

**NỘI DUNG ĐỀ TÀI**

**CHƯƠNG I: Cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

**1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

Cách mạng công nghiệp là những bước phát triển nhảy vọt về chất trình độ của tư liệu lao động trên cơ sở những phát minh đột phá về kỹ thuật và công nghệ trong quá trình phát triển của nhân loại kéo theo sự thay đổi căn bản về phân công lao động xã hội cũng như tạo bước phát triển năng suất lao động cao hơn hẳn nhờ áp dụng một cách phổ biến những tính năng mới trong kỹ thuật – công nghệ vào đời sống xã hội.

Cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa, hiện đại hóa có thể khái quát gồm 2 nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, xây dựng thành công cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội để dựa vào đó mà trang bị công nghệ hiện đại cho các ngành kinh tế quốc dân.

Thứ hai, tổ chức nghiên cứu, thu thập thông tin, phổ biến ứng dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất, đời sống với những hình thức, bước đi, quy mô thích hợp.

**2. Tóm tắt nội dung của các cuộc công nghiệp.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tóm tắt đặc trung của các cuộc cách mạng công nghiệp** | | | |
| **Lần thứ nhất** | **Lần thứ hai** | **Lần thứ ba** | **Lần thứ tư** |
| Sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ khí hóa sản xuất. | Sử dụng năng lượng điện và động cơ điện để tạo ra dây truyền sản xuất hàng loạt. | Sử dụng công nghệ thông tin và máy tính để tự động hóa sản xuất. | Liên kết giữa thế giới thực và ảo để thực hiện công việc thông minh và hiệu quả nhất. |

Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất khởi phát từ nước Anh, bắt đầu từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX. Nội dụng cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất là chuyển từ lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, thực hiện cơ giới hóa sản xuất bằng việc sử dụng năng lượng nước và hơi nước.

Cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra vào nửa cuố thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Nội dung cơ bản được thể hiện ở việc sử dụng năng lượng điện và ddoognj cơ điện để tạo ra các dây chuyền sản xuất điện – cơ khí và sang giai đoạn tự động hóa cục bộ trong sản xuất.

Cách mạng công nghệp lần thứ ba bắt đầu từ khoảng những năm đầu thập niên 60 thế kỷ XX đến cuối thế kỷ XX. Đặc trưng cơ bản của cuộc cách mạng này là sự xuất hiện công nghệ thông tin, tự động hóa sản xuất. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra khi có các tiến bộ về hạ tầng điện tử, máy tính và số hóa vì nó được xuacs tác bởi sử phát triển của chất bán dẫn, siêu máy tính (thập niên 1960), máy tính cá nhân (thập niên 1970 và 1980) và Internet (thập niên 1990). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3 đã đưa tới những tiến bộ kỹ thuật công nghệ nổi bật trong giai đoạn này là: hệ thống mạng, máy tính cá nhân, thiết bị điện tử sử dụng công nghệ số và robot công nghiệp.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được đề cập lần đầu tiên tại Hội chợ triển lãm công nghệ Hannover (CHLB Đức) năm 2011 và được Chính phủ Đức đưa vào “Kế hoạch hành động chiến lược công nghệ cao” năm 2012.

Như vậy, mỗi cuộc cách mạng công nghiệp xuất hiện có những nội dung cốt lõi, phát triển nhảy vọt về tư liệu lao động. Sự phát triển của tư liệu lao động đã thúc đẩy sự phát triển của văn minh nhân loại. Theo nghĩa đó, vai trò của cách mạng công nghiệp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thúc đẩy phát triển.

**3. Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với phát triển.**

*3.1. Thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất.*

Sau quãng thời gian đổi mới, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi đáng kể như trình độ của tư liệu sản xuất, nhất là công cụ lao động được cải tiến; khoa học - công nghệ được ứng dụng nhiều vào sản xuất; trình độ, kỹ năng của người lao động không ngừng tăng lên nhưng so với yêu cầu của nền sản xuất hiện đại, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Do đó, cần có những giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

*3.2. Thúc đẩy hoàn thiện quan hệ sản xuất.*

Đảng và Nhà nước ta có nhiều chủ trương, biện pháp để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm phát triển lực lượng sản xuất, tạo “cốt vật chất” cho quan hệ sản xuất mới. Tiếp tục thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và hàng hoá dịch vụ chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát huy cao độ nội lực, tranh thủ ngoại lực, tiếp thu những thành tựu về khoa học và công nghệ hiện đại trong điều của cuộc cách mạng 4.0.

*3.3. Thúc đẩy đổi mới phương thức quản trị phát triển.*

Thực tiễn lịch sử cho thấy, các nước đã trải qua quá trình công nghiệp hóa thì việc xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả sẽ nhanh hơn. Tuy nhiên, do tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình toàn cầu hóa, những nước đi sau vẫn có thể rút ngắn khoảng cách, thậm chí đi tắt, đón đầu quá trình này.

Việc xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam được gắn chặt với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là quá trình từng bước, đồng bộ, có tính kế thừa và tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, phù hợp với thực tiễn. Các đặc điểm về tính pháp quyền; minh bạch; trách nhiệm giải trình; sự tham gia của người dân; công bằng và không loại trừ; phòng, chống tham nhũng tiếp tục được coi trọng. Một số chỉ số phản ánh mức độ hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền quản trị quốc gia từng bước thăng hạng trong các đánh giá quốc tế, đặc biệt là trong nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện, sự tham gia của người dân, tính minh bạch thông tin được coi trọng hơn, các chỉ số đo lường chất lượng quản trị công ở các địa phương được đánh giá thường xuyên. Công tác phòng, chống tham nhũng tiếp tục thu được nhiều kết quả tích cực.

Tuy vậy, nền quản trị quốc gia ở Việt Nam còn có những hạn chế. Việc thực hiện phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương chưa thật đồng bộ, triệt để, đáp ứng được yêu cầu, chưa phát huy được hết vai trò, trách nhiệm, sự chủ động của cấp cơ sở, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, quản lý nguồn lực, chống tham nhũng, tiêu cực. Trách nhiệm giải trình của các cơ quan trong bộ máy nhà nước trước nhân dân có nơi còn mang tính hình thức. Vai trò của hệ thống thông tin, báo chí mặc dù được coi trọng hơn, nhưng việc xử lý thông tin, trách nhiệm thông tin trong giải quyết một số vụ, việc chưa rõ ràng, thậm chí có vụ, việc còn chưa minh bạch.

**CHƯƠNG II: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

**I. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

Theo nghĩa hẹp, công nghiệp hóa là quá trình chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) lên nền kinh tế lấy công nghiệp làm chủ đạo, từ chỗ tỷ trọng lao động nông nghiệp chiếm chủ yếu giảm dần và nhường chỗ cho lao động công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn hơn.

Theo nghĩa rộng, công nghiệp hóa là quá trình chuyển dịch từ kinhg tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) lên kinh tế công nghiệp, từ xã hội nông nghiệp lên xã hội công nghiệp, từ văn minh nông nghiệp lên văn minh công nghiệp. Nó không chỉ đơn thuần là những biến đổi về kinh tế mà bao gồm cả biến đổi về văn hóa và xã hội từ trạng thái nông nghiệp lên xã hội công nghiệp, tức là trình độ văn mình cao hơn.

Hiện đại hóa là quá trình làm cho mang tính chất của thời đại ngày nay. Theo ý nghĩa về kinh tế ­ xã hội, hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch căn bản từ xã hội truyền thống lên xã hội hiện đại, quá trình làm cho nền kinh tế và đời sống xã hội mang tính chất và trình độ của thời đại ngày nay. Hiện đại hóa về kinh tế vừa có sự thay đổi về tính chất, vừa có tính xác định về thời gian. Giai đoạn đầu của hiện đại hóa được xác định trùng với thời kỳ diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (còn gọi là thời kỳ công nghiệp hóa). Trong giai đoạn này, công nghiệp hóa là nội dung cốt lõi của hiện đại hóa.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

**II. Tính tất yếu của công nghiệp hoá, hiện đại hóa ở Việt Nam.**

Lý do khách quan Việt Nam phải thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa bao gồm:

*Một là*, lý luận và thực tiễn cho thấy công nghiệp hóa là quy luật phổ biến của sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội mà mọi quốc gia đều trải qua dù ở các quốc gia phát triển sớm hay các quốc gia đi sau.

Công nghiệp hóa là quá trình tạo ra động lực mạnh mẽ cho nền kinh tế, là đòn bẩy quan trọng tạo ra sự phát triển đột biến trong các lĩnh vực hoạt động của con người. Thông qua công nghiệp hóa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân được trang bị những tư liệu sản xuất, kỹ thuật công nghệ ngày càng hiện đại, từ đó nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao và đa dạng của con người.

Mỗi phương thức sản xuất có một cơ sở vật chất – kỹ thuật tương ứng. Cơ sở vật chất – kỹ thuật tương ứng. Cơ sở vật chất – kỹ thuật của một phương thức sản xuất là hệ thống các yếu tố vật chất của lực lượng sản xuẩ xã hội, phù hợp với trình độ kỹ thuật mà lực lượng lao động xã hội sử dụng để tiến hành quá trình lao động sản xuất. Cơ sở vật chất – Kỹ thuật được xem là tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hiện đại của một nền kinh tế, nó cũng là điều kiện quyết định để xã hội có thể đạt được một năng suất lao động nào đó. Bất kỳ quốc gia nào đi lên chủ nghĩa xã hội đều phải thực hiện nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội phải là nền kinh tế hiện đại: có cơ cấu kinh tế hợp lý, có trình độ xã hội hóa cao dựa trên trình độ khoa học và công nghệ hiện đại.

*Hai là*, đối với các nước có nền kinh tế kém phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội như nước ta, xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội phải thực hiện từ đầu thông qua xông nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mỗi bước tiến của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một bước tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở đó từng bước nâng dần trình độ văn minh của xã hội.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, trước hết là nhằm cơ sở vật chất – kỹ thuật cho nền kinh tế dựa trên những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại. Mỗi bước tiến của qua trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa, là một bước tăng cường cơ sở vật chất – kỹ thuật của CNXH, đồng thời củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất CNXH, làm cho nền sản xuất xã hội không ngừng phát triển, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển lực lượng sản xuất, nhằm khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, nâng cao dần tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Đồng thời, thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các ngành, các vùng, trong nước và mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, tham gia vào các quá trình phân công lao động và hợp tác quốc tế ngày càng hiệu quả.

Quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hóa làm cho khối liên minh công nhân, nông dân và tri thức ngày càng được tăng cường, củng cố, đồng thời nâng cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Công nghiệp hoá, hiện đại hóa được thực hiện sẽ tăng cương tiềm lực cho an ninh, quốc phòng, góp phần nâng cao sức mạnh của an ninh, quốc phòng, đồng thời tạo điều kiện vật chất và tinh thần để xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, có thể nói công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhân tố quyết định sự thắng lợi của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam có những đặc điểm chủ yếu sau đây:

* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”,
* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển tri thức.
* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế và Việt Nam đang tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

**III. Nội dung cơ bản của Công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

**1. Tạo lập những điều kiện để thực hiện chuyển đổi, phát triển kinh tế.**

Từ một trình độ thấp về kinh tế và kỹ thuật, muốn đi lên nhanh, và phát triển theo hướng hiện đại cần kết hợp phát triển tuần tự với phát triển nhảy vọt. Nền kinh tế nước ta phải phát triển theo mô hình “lồng ghép”, một mặt, phải phát triển nông nghiệp và các ngành công nghiệp cơ bản, mặt khác, đồng thời phát triển những ngành kinh tế dựa vào tri thức và công nghệ cao.

Đại hội lần thứ X của Đảng đã khẳng định: “Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

Như vậy, có thể hiểu rằng, đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức là một phương thức CNH mới trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, của xu hướng toàn cầu hóa kinh tế đang gia tăng mạnh mẽ.

Chỉ có đẩy nhanh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức mới có thể sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triến; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

*Thứ nhất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, với những vấn đề cơ bản sau đây.*

* Hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp sinh thái nhiệt đới đa dạng sản phẩm hàng hóa, tỷ suất hàng hóa, chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh cao, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương.
* Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn. Chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ.
* Chuyển giao nhanh và ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phát triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, các vùng chuyên hóa tập trung. Ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn. Thúc đẩy quá trình đô thị hóa nông thôn phù hợp với điều kiện của từng vùng.
* Xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất và đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh. Xây dựng nông thôn mới theo hướng dân chủ, công bằng, nông dân có cuộc sống no đủ, có đời sống văn hóa lành mạnh, có môi trường sạch.

*Thứ hai, phát triển kinh tế vùng.*

* Đẩy mạnh CNH, HĐH đòi hỏi tập trung phát triển trước hết một số vùng có khả năng tăng trưởng mạnh nhất, tạo động lực lan tỏa đến các vùng khác trong nước.
* Quy hoạch phát triển các vùng trọng điểm phải đặt trong quy hoạch phát triển tổng thể của cả nước và tạo các mối liên kết kinh tế cơ bản giữa các vùng và trong nội bộ từng vùng trên cơ sở phân công lao động, đưa vào lợi thế phát triển của mỗi vùng.
* Cần đặc biệt quan tâm phát triển những vùng có thế mạnh tiềm năng tự nhiên cho phép tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập... Đồng thời, có cơ chế chính sách để tạo điều kiện cho các vùng còn nhiều khó khăn phát huy được tiềm năng của mình để phát triển nhanh, đặc biệt là vùng biên giới, hải đảo, các vùng Tây Nguyên Tây Nam và Tây Bắc.

*Thứ ba, phát triển nhanh hơn công nghiệp xây dựng và dịch vụ.*

* Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ chế tác, công nghiệp phần mềm, công nghiệp bổ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động. Phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất.
* Khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế và các công ty xuyên quốc gia.
* Trên cơ sở bổ sung và hoàn chỉnh quy hoạch, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với công nghệ tiết kiệm năng lượng. Hoàn chỉnh một bước cơ bản mạng lưới giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước... Tăng nhanh năng lực và hiện đại hóa bưu chính - viễn thông.
* Phát triển vượt bậc các ngành dịch vụ.

Phát triển nhanh khu vực dịch vụ đáp ứng được yêu cầu và phù hợp với tiềm năng còn rất lớn của nước ta và xu hướng phát triển chung của thế giới; tận dụng tốt thời cơ hội nhập kinh tế để tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ, đưa tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP.

Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn và sức cạnh tranh cao. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thống, mở mang các dịch vụ mới, nhất là những dịch vụ cao cấp, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ ngân hàng theo kịp yêu cầu phát triển của thị trường tài chính, tiền tệ và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Thứ tư, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển.*

* Phát triển nguồn nhân lực là khâu quyết định triển vọng của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa rút ngắn. Điều này thể hiện như sau:

Khắc phục những yếu kém về chất lượng nguồn nhân lực nước ta để đạt mục tiêu nâng cao sức cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế thành công và củng cố các cơ sở tăng trưởng bền vững. Đây là cách thức đúng đắn để đạt mục tiêu phát triển con người. Phát triển nguồn nhân lực chính là tạo lập cơ sở quan trọng để tiếp cận và phát triển kinh tế tri thức.

Bởi vậy, chiến lược phát triển nguồn nhân lực phải được xác định là một nội dung trung tâm của phát triển bền vững và của quá trình hiện đại hóa.

* Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học và công nghệ. Chú ý đi ngay từ đầu vào công nghệ hiện đại đối với các lĩnh vực then chốt và từng bước mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế. Đồng thời, chú trọng đúng mức việc phát triển công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

**2. Thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi, phát triển kinh tế.**

*Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại*

Đối với những nước còn kém phát triển, trình độ kỹ thuật công nghệ của sản xuất còn lạc hậu, thì nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện cơ khí hoá nhằm thay thế lao động thủ công bằng lao động sử dụng máy móc, để nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, trong những ngành nghề và lĩnh vực của nền kinh tế khi điều kiện và khả năng cho phép, vẫn có thể ứng dụng ngay những thành tựu khoa học, công nghệ mới hiện đại để rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển.

Để phát triển lực lượng sản xuất, từng bước xây dựng nền kinh tế có tính độc lập tự chủ cao, quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất (sản xuất máy cái), vì đây là ngành có vị trí quan trọng quyết định cho sự phát triển của các ngành khác. Khi nghiên cứu lý luận về tái sản xuất trong CNTB, VILênin đã rút ra quy luật: cần phải ưu tiên phát triển sản xuất từ liệu sản xuất để chế tạo ra tư liệu sản xuất. Nếu thực hiện được điều này, thì cũng chính là quá trình xây dựng nền kinh tế có tính độc lập, tự chủ cao.

Quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đòi hỏi phải ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới hiện đại vào tất cả các ngành, các vùng, các lĩnh vực của nền kinh tế. Tuy nhiên, cần phải có sự lựa chọn cho phù hợp với khả năng, trình độ và điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn, không chủ quan, nóng vội cũng như không trì hoãn, cản trở việc ứng dụng khoa học, công nghệ mới, hiện đại trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng đòi hỏi phải phát triển các ngành công nghiệp bao gồm: công nghiệp nhẹ, công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm...theo hướng hiện đại, dựa trên cơ sở những thành tựu khoa học, công nghệ mới. Đồng thời, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất lao động, xây dựng nền nông nghiệp xanh, sạch, từng bước nâng cao đời sống người nông dân, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Ứng dụng khoa học, công nghệ mới, hiện đại đòi hỏi phải được tiến hành đồng bộ, cân đối ở tất cả các ngành, các vùng và các lĩnh vực của nền kinh tế, thì mới đem lại hiệu quả cao.

Việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ ở nước ta hiện nay phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

Theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đưa ra năm 1995: Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Với định nghĩa trên, có thể hiểu kinh tế tri thức là trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất xã hội, theo đó trong quá trình lao động của từng người lao động và toàn bộ lao động xã hội, trong từng sản phẩm và trong tổng sản phẩm quốc dân thì hàm lượng lao động cơ bắp, hao phí lao động cơ bắp giảm đi vô cùng nhiều trong khi hàm lượng tri thức, hao phí lao động trí óc tăng lên vô cùng lớn.

Trong nền kinh tế tri thức, những ngành kinh tế có tác động to lớn tới sự phát triển là những ngành dựa vào tri thức, dựa vào những thành tựu mới của khoa học, công nghệ. Đó có thể là những ngành kinh tế mới dựa trên công nghệ cao (như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học...); nhưng cũng có thể là những ngành kinh tế truyền thống (như nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ) được ứng dụng khoa học, công nghệ cao.

Qua thực tế phát triển, có thể khái quát những đặc điểm chủ yếu của kinh tế tri thức như sau:

* Trong nền kinh tế tri thức, tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là vốn quý nhất, là nguồn lực quan trọng hàng đầu, quyết định sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.
* Trong nền kinh tế tri thức, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động kinh tế có những biến đổi sâu sắc, nhanh chóng, trong đó các ngành kinh tế dựa vào tri thức, dựa vào các thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ ngày càng tăng và chiếm đa số.
* Trong nền kinh tế tri thức, công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực và thiết lập được các mạng thông tin đa phương tiện phủ khắp nước, nối với hầu hết các tổ chức, các gia đình. Thông tin trở | thành tài nguyên quan trọng nhất của nền kinh tế.
* Trong nền kinh tế tri thức, nguồn nhân lực nhanh chóng được trị thức hoá; sự sáng tạo, đổi mới, học tập trở thành yêu cầu thường xuyên đối với mọi người và phát triển con người trở thành nhiệm vụ trung tâm của xã hội.
* Trong nền kinh tế tri thức, mọi hoạt động đều có liên quan đến vấn đề toàn cầu hoá kinh tế, có tác động tích cực hoặc tiêu cực sâu rộng tới nhiều mặt của đời sống xã hội trong mỗi quốc gia và trên toàn thế giới.

Những đặc điểm trên đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, nhất thiết phải tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu công nghệ hiện đại và trị thức mới; công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải gắn với kinh tế tri thức, phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại, kết hợp quá trình phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu; từng bước phát triển kinh tế tri thức, để vừa phát triển kinh tế- xã hội nhanh, bền vững vừa rút ngắn được khoảng cách với các nước trong khu vực và trên thế giới.

*Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả*

Cơ cấu kinh tế là mối quan hệ tỷ lệ giữa các ngành, các vùng và các thành phần kinh tế. Cơ cấu kinh tế cũng chính là tổng thể cơ cấu các ngành, cơ cấu các vùng và cơ cấu các thành phần kinh tế.

Trong hệ thống các cơ cấu kinh tế, thì cơ cấu ngành kinh tế (công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ) giữ vị trí quan trọng nhất, vì nó phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế và kết quả của quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả chính là quá trình tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phải gắn liền với sự phát triển của phân công lao động trong và ngoài nước, từng bước hình thành các ngành, các vùng chuyên môn hoá sản xuất, để khai thác thế mạnh, nâng cao năng suất lao động, đồng thời phát huy nguồn lực của các ngành, các vùng và các thành phần kinh tế.

Cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Khai thác, phân bổ và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong nước, thu hút có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

- Cho phép ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại vào các ngành, các vùng và các lĩnh vực của nền kinh tế.

- Phù hợp xu thế phát triển chung của nền kinh tế và yêu cầu của toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

Hệ thống cơ cấu kinh tế tồn tại trong một nền kinh tế quốc dân thống nhất, không tách rời, vì vậy nó đều chịu sự chi phối và tác động của một thể chế, cơ chế và chính sách chung. Việc chuyển dịch cơ cấu ngành, vùng và thành phần kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý và hiệu quả không thể tách rời sự phát triển các lĩnh vực khác của nền kinh tế như công nghệ thông tin, năng lượng, viễn thông, giao thông vận tải... Đồng thời, phải được đặt trong chiến lược phát triển tổng thể của nền kinh tế, có tính đến các mối quan hệ trong và ngoài nước; quan hệ giữa trung ương với địa phương; quan hệ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh, quốc phòng, quan hệ giữa tích luỹ với tiêu dùng.

*Từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.*

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân ở nước ta là nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì vậy phải củng cố và tăng cường hoàn thiện quan hệ sản xuất. Trong đó thực hiện thường xuyên nhiệm vụ hoàn thiện quan hệ sở hữu, quan hệ phân phối, quan hệ quản lý, phân bổ nguồn lực theo hướng tạo động cho phát triển, giải phóng sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân.

**IV. Kết quả thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa sau 35 năm đổi mới.**

35 năm đổi mới (1986 - 2021) là giai đoạn quan trọng của sự nghiệp phát triển đất nước, đánh dấu sự trưởng thành mọi mặt của Ðảng, Nhà nước và nhân dân, là sáng tạo có tính tất yếu, toàn diện để gạt bỏ, tháo gỡ những vướng mắc, giải phóng năng lực sản xuất, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Bởi đổi mới là công cuộc có tính tổng thể, được chuẩn bị bài bản, theo cách thức, với từng đường đi nước bước cụ thể, được cân nhắc chắc chắn, triển khai một cách sâu rộng và đồng bộ, cho nên 35 năm qua, công cuộc đổi mới đã thật sự gắn bó với vận mệnh dân tộc, vận mệnh đất nước, gắn bó với mỗi người Việt Nam, và được bạn bè quốc tế hết sức quan tâm. Ðổi mới để phát triển, song phải là phát triển trong thế ổn định, theo đúng định hướng, con đường mà chúng ta đã chọn. Sau 35 năm, đất nước đã đạt được những kết quả thiết thực, mà trước hết là đổi mới tư duy để khắc phục được nhận thức lệch lạc, nhất là bệnh giáo điều, chủ quan duy ý chí, vì thế vai trò lãnh đạo của Ðảng càng được tăng cường, định hướng XHCN được giữ vững, hình thành quan niệm mới về mục tiêu, bước đi, cách thức phát triển đất nước và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội, kinh tế thị trường theo định hướng XHCN từng bước hình thành, phát triển. Ðổi mới đã đưa nước ta từ chỗ thiếu thốn, có khi phải nhập lương thực, nay đã thành nước xuất khẩu gạo đứng ở tốp đầu thế giới.

Chưa bao giờ nhịp độ phát triển và đổi thay từ nông thôn đến thành thị, từ miền núi đến đồng bằng lại nhanh chóng, mạnh mẽ như hiện nay. Ðổi mới giúp chúng ta vừa kế thừa và phát huy những thành quả tốt đẹp đạt được trước đây, vừa có cách nghĩ khác trước, nghe khác trước, nhìn khác trước, làm khác trước, phù hợp với trạng thái phát triển mới, vì thế, đã đem đến một sức vóc mới cho đất nước, tiếp sức chúng ta đi thêm những bước dài trên con đường đã chọn. Cội nguồn của các thành tựu đó là do Ðảng ta có đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, phù hợp lợi ích, nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân tích cực ủng hộ, thực hiện, được bạn bè quốc tế ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ. Ðảng đã nhận thức, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam, từ đó giữ bản lĩnh chính trị, kiên định lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, đồng thời nhạy bén, sáng tạo, kịp thời đưa ra các chủ trương, quyết sách phù hợp từng giai đoạn cách mạng, phù hợp tình hình thế giới và trong nước.

Ðó là cơ sở để năm 2020, với phương châm vì tính mạng con người, không để ai bị bỏ lại phía sau, toàn Ðảng, toàn dân, toàn quân đã nỗ lực vượt qua đại dịch Covid-19, khắc phục hậu quả bão lụt ở các tỉnh miền trung, giúp nhân dân sớm ổn định cuộc sống. Song bên cạnh những thành tựu, chúng ta còn có hạn chế, khuyết điểm. Lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn để tiếp tục làm rõ. Phát triển còn thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường.

Xây dựng đất nước theo con đường XHCN là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài, nhưng đó là con đường hợp quy luật để có một nước Việt Nam phát triển bền vững. Và trong quá trình đổi mới, bên cạnh các cơ hội, có thể xuất hiện vấn đề mới, khó khăn, thách thức mới, Ðảng, Nhà nước và nhân dân cần phải chủ động, không ngừng sáng tạo để giải quyết và vượt qua. Ðổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm «dân là gốc», vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Xa rời, đi ngược lại lợi ích của nhân dân, đổi mới sẽ thất bại.

Những ý kiến, nguyện vọng, sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là yếu tố quan trọng góp phần hình thành đường lối đổi mới của Ðảng. Nhân dân làm nên các thành tựu của đổi mới, đổi mới phải dựa vào nhân dân. Dân chủ XHCN là bản chất của chế độ, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Do đó, xây dựng, phát huy dân chủ XHCN phải bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân để nhân dân thật sự là chủ thể tiến hành đổi mới và thụ hưởng thành quả của đổi mới.

Ðể phát huy dân chủ XHCN, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, cần phòng, chống đặc quyền, đặc lợi, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Thực tế cho thấy, phải đổi mới toàn diện, đồng bộ trên mọi lĩnh vực đời sống, từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thực tiễn, từ hoạt động lãnh đạo của Ðảng và quản lý của Nhà nước đến hoạt động trong từng bộ phận của hệ thống chính trị, từ hoạt động ở trung ương đến hoạt động của địa phương, cơ sở. Ðồng thời phải chủ động, năng động, không ngừng sáng tạo, khắc phục tình trạng bảo thủ, trì trệ, bỏ lỡ cơ hội phát triển. Phải tôn trọng quy luật khách quan, coi sự phát triển của thực tiễn là yêu cầu, là cơ sở để đổi mới tư duy lý luận, đường lối, chủ trương, cơ chế, chính sách.

Mọi đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Ðảng và Nhà nước đều phải xuất phát từ thực tiễn. Phải luôn coi lợi ích quốc gia - dân tộc là tối thượng. Kết hợp phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh, bền vững. Trong đó, phát huy sức mạnh toàn dân tộc là cơ sở kết hợp sức mạnh thời đại, làm cho sức mạnh toàn dân tộc mạnh hơn.

Và quan hệ quốc tế dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Sự lãnh đạo đúng đắn của Ðảng là nhân tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới. Rõ ràng sau 35 năm, chúng ta đã không chỉ đạt được thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, mà còn tiếp tục đẩy mạnh và phát triển với các nguồn lực phong phú. Hành trình đổi mới với sự hài hòa giữa ý Ðảng với lòng dân đã và đang kết hợp cả ba yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Ðó là động lực lớn nhất, yếu tố cơ bản nhất tạo nên thành công của sự nghiệp cao cả là xây dựng một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên CNXH.

**KẾT LUẬN**

Tóm lại, công nghiệp hoá hiện đại hoá chính là lời giải của bài toán phát triển, trực tiếp đưa đất nước thoát khỏi nguy cơ tụt hậu. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá tạo nên những khuynh hướng chuyển biến căn bản về kinh tế xã hội của đất nước trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn lực và lợi thế trong nước, mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế, xây dựng cơ cấu kinh tế đa ngành với trình độ khoa học và công nghệ ngày càng hiện đại. Công nghiệp hoá- hiện đại hoá chính là quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, tạo hướng chuyển dịch cơ cấu trong các ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng chúng ta cũng có nhiều yếu tố thuận lợi, thời cơ và có đủ khả năng để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá. Ngày nay, tốc độ tăng trưởng cao và đầy ấn tượng trong sự ổn định chính trị xã hội của chúng ta qua những năm đổi mới, chứng tỏ tiến trình công nghịêp hoá- hiện đại hoá đã đạt được những thành tựu nhất định, nền kinh tế đã có sự khởi sắc dù mới chỉ là bước đầu, còn nhiều vấn đề đặt ra cần tiếp tục được bổ sung và hoàn thiện. Công nghiệp hoá- hiện đại hoá đặt chúng ta trước những thách thức lớn, vì vậy cần phải xây dựng một hệ thống các giải pháp nhằm khắc phụckhó khăn đâỷ lùi nguy cơ, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá- hiện đại hoá tiến trước một bước. Đó là các giải pháp về chính sách vĩ mô của nhà nước, về đổi mới công nghệ, về tạo vốn, sử dụng vốn có hiệu quả và nâng cao trình độ người lao động, trình độ quản lý kinh tế.Trong đóviệc tạo vốn và tạo vố có hiệu quả là một trong những vấn đề cấp bách quan trọng nhất hiện nay. Cùng với việc phát huy các nguồn vốn trong nước cần phải đẩy mạnh hợp tác quốc tế, mở cửa kinh tế nhằm khai thác nguồn vốn viện trợ, cho vay, đồng thời tạo một môi trường đầu tư thuận lợi thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng một kế hoạch sử dụng vốn có hiệu quả. Công nghiệp hoá- hiện đại hoá là “chìa khoá vàng” để vươn tới sự hiện đại và phát triển. Chúng ta nghiên cứu vấn đề này không nhằm một mục đích gì khác đó là tìm ra điều kiện tốt nhất để phát triển đất nước. Thông qua những phân tích và đánh giá về mặt lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của các nước trên thế giới về quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hoá từ đó chúng ta có thể rút ra những nét phù hợp với nền kinh tế Việt Nam và tìm ra những phương hướng phát triển công nghiệp hoá- hiện đại hoá ở Việt Nam.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nội dung của công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam: <https://hoctap24h.vn/noi-dung-cua-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-o-viet-nam>

2. Giáo trình kinh tế chinh trị Triết Mác Lê nin (dành cho bậc đại học chuyên ngành chính trị) - Chủ biên PGS.TS Ngô Tuấn Nghĩa.